

Bản án số: 136/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 13-7-2020  
V/v “tranh chấp Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa:* Bà **Lê Thị Diễm**
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Quách Trung Sơn**  
2. Ông **Thân Văn Kỳ**
- *Thư ký phiên Tòa:* Ông **Bùi Quốc Hiến** – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 132/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 77/2020/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Thanh L**, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Kiều T**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Anh L có mặt, chị T vắng mặt tại phiên tòa

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai cùng ngày 17/01/2020 và lời khai tại Tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Thanh L trình bày: Do mai mối và quen biết nên anh và chị Nguyễn Thị Kiều T xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2012, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ đó cho đến nay. Nguyên nhân: Do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không hợp tính tình, chị T không lo làm ăn và không trung thực trong việc quản lý tiền bạc. Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Kim N, sinh ngày 04/01/2013 hiện đang sống cùng với anh. Về tài sản chung: Không có. Về nợ chung: Không có. Nay anh L xin ly hôn với chị T. Về con chung: Anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Kiều T đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án và cũng được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng chị T vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản ý kiến trả lời.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn anh Nguyễn Thanh L yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Kiều T. Về con chung: Anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn chị Nguyễn Thị Kiều T vắng mặt tại phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Kiều T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn cố tình vắng mặt và cũng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đồng thời bị đơn không có yêu cầu phản tố cho nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh L và chị Nguyễn Thị Kiều T do mai mối và quen biết tiến tới việc xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2012, có đăng ký kết hôn. Anh L xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân: Do không hợp tính tình, chị T không lo làm ăn và không trung thực trong việc quản lý tiền bạc. Vì vậy anh và chị đã ly thân nhau từ năm 2018 cho đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng không hàn gắn được gì. Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa anh L và chị T xác lập từ năm 2012, sau thời gian chung sống vợ chồng thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân nhau từ năm 2018 cho đến nay, phía anh L cương quyết xin ly hôn và xác định không thể sống chung được với chị T, trong thời gian ly thân vợ chồng không hàn gắn được gì, chị T đã được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện của anh L và cũng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia hòa giải và phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng chị vẫn vắng mặt không rõ lý do và cũng không có văn bản ý kiến trả lời chứng tỏ chị T không quan tâm đến cuộc sống chung vợ chồng với anh L. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh L và chị T là đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho anh L được ly hôn chị T là phù hợp.

[3] Về con chung: Anh L và chị T có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Kim N, sinh ngày 04/01/2013 hiện đang sống chung với anh L. Tại phiên tòa anh L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu N hiện đang sống chung với anh L ổn định từ khi sinh ra cho đến nay, cháu N có Tờ tự khai xác định cháu muốn sống chung với anh L. Trong quá trình giải quyết vụ án chị T cũng không có yêu cầu nuôi con chung. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao cho anh L nuôi dưỡng cháu N là phù hợp, đảm bảo cuộc sống cho cháu. Tại phiên tòa anh L không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Anh L xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Anh L xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Anh Nguyễn Thanh L phải chịu án phí theo quy định pháp luật.  
Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh L.

Cho anh Nguyễn Thanh L được ly hôn chị Nguyễn Thị Kiều T.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Thanh L được tiếp tục nuôi dưỡng một con chung giữa anh và chị Nguyễn Thị Kiều T là cháu Nguyễn Ngọc Kim N, sinh ngày 04/01/2013. Chị Nguyễn Thị Kiều T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị Kiều T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Thanh L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh L đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo biên lai số 0003037 ngày 10/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang xem như anh L đã thi hành xong tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Thanh L được thực hiện quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Chị Nguyễn Thị Kiều T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Diễm**

